



BẢNG ĐIỂM

Lớp : Quản trị kinh doanh 4 - K12

Môn thi: **Thống kê kinh doanh** Lần thi: **1** Giám thị 1: _____
Học kỳ: **1** Năm học: **2011 - 2012** Ngày thi: _____ Giám thị 2: _____
Cán bộ giảng dạy: _____ Phòng thi: _____ Giám thị 3: _____
Tổng số bài: _____ Số tờ: _____ Giám thị 4: _____

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
1	08109A0156	Lê Anh	Khôi	12/09/1990	7.5			
2	0910090013	Nguyễn Văn	Cương	30/12/1990	0.0			
3	0910090165	Nguyễn Duy	Thanh	10/08/1990	0.0			
4	0910090166	Huỳnh Tiến	Thành	09/03/1991	0.0			
5	1010090184	Phạm Xuân Thủy	Tiên	12/09/1992	7.0			
6	1010090185	Ngô Thị Trúc	Tiên	03/08/1992	8.5			
7	1010090187	Trương Thị Ngọc	Tím	14/09/1992	9.5			
8	1010090188	Đinh Huy	Tín	05/03/1992	7.5			
9	1010090189	Đinh Hữu Phương	Toàn	07/04/1992	8.5			
10	1010090190	Nguyễn Thị Quỳnh	Trâm	04/03/1992	5.0			
11	1010090191	Hồ Thị	Trâm	28/04/1992	6.0			
12	1010090192	Trần Thị Thùy	Trâm	05/06/1992	5.0			
13	1010090193	Đinh Thị huyên	Trân	16/12/1992	0.0			
14	1010090195	Lê Hồng Bảo	Trân	25/03/1992	9.0			
15	1010090196	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/04/1992	9.0			
16	1010090197	Nguyễn Ngọc	Trang	28/12/1992	9.5			
17	1010090198	Lê Thị Ngọc	Trang	27/10/1992	5.0			
18	1010090199	Trần Thị Thuỳ	Trang	18/10/1992	8.5			
19	1010090200	Trần Thị Thùy	Trang	25/08/1992	9.5			
20	1010090201	Bùi Thị Cẩm	Trang	26/02/1992	9.0			
21	1010090202	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12/05/1992	8.5			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
22	1010090203	Nguyễn Minh	Trí	27/01/1992	8.5			
23	1010090205	Lê Thị Tuyết	Trình	20/05/1992	8.5			
24	1010090206	Giả Thị Mai	Trình	26/05/1992	7.5			
25	1010090207	Phan Thị	Trọn	06/04/1992	9.5			
26	1010090208	Phạm Thị Thanh	Trúc	17/09/1992	7.5			
27	1010090209	Lưu Tử	Trung	15/12/1992	10.0			
28	1010090210	Lý Nguyễn Kiên	Trung	01/09/1992	9.5			
29	1010090211	Nguyễn Văn	Trường	04/11/1992	8.5			
30	1010090212	Hồ Thị	Tú	29/11/1992	6.5			
31	1010090213	Đỗ Thị Ngọc	Tú	26/07/1992	6.0			
32	1010090214	Huỳnh Thanh	Tú	25/05/1992	9.5			
33	1010090215	Bùi Minh	Tuấn	29/02/1992	0.0			
34	1010090216	Nguyễn Tấn	Tuấn	20/05/1991	7.5			
35	1010090217	Nguyễn Ngọc Duy	Tuấn	02/10/1992	8.5			
36	1010090218	Nguyễn Thanh	Tùng	29/06/1990	7.5			
37	1010090220	Lê Hồng	Tươi	10/02/1992	8.5			
38	1010090221	Phan Thị Thanh	Tuyền	20/01/1992	10.0			
39	1010090223	Châu Thị Cẩm	Tuyết	31/07/1990	9.5			
40	1010090224	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	23/02/1992	5.0			
41	1010090225	Vũ Thị Thu	Vân	15/09/1992	8.5			
42	1010090226	Ngô Bảo	Vân	15/12/1991	9.0			
43	1010090227	Hồ Diễm Bích	Vân	17/05/1992	7.0			
44	1010090228	Võ Toàn	Văn	05/08/1992	6.0			
45	1010090229	Nguyễn Thị Hà	Vi	19/04/1991	5.5			
46	1010090231	Nguyễn Quang	Vinh	30/05/1992	8.5			
47	1010090232	Nguyễn Phạm Hoàng	Vinh	25/12/1991	9.0			
48	1010090234	Nguyễn Tuấn	Vũ	12/08/1991	7.0			
49	1010090235	Trịnh Công	Vũ	07/02/1992	7.5			
50	1010090236	Nguyễn Ngọc Anh	Vũ	27/12/1991	8.5			
51	1010090237	Nguyễn Hoàng	Vương	07/01/1992	7.0			

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	ĐIỂM SỐ	KÝ TÊN	ĐIỂM CHỮ	GHI CHÚ
52	1010090238	Lưu Thị Hoàng Vy	09/04/1992	8.5			
53	1010090239	Nguyễn Thanh Vy	29/11/1992	9.5			
54	1010090240	Nguyễn Hữu Xuân	09/08/1992	8.0			
55	1010090241	Trần Thị Thanh Xuân	25/07/1992	8.5			
56	1010090242	Nguyễn Thị Ngọc Xuyến	23/09/1990	7.5			
57	1010090243	Ngô Thị Kim Ý	25/11/1992	6.0			
58	1010090244	Nguyễn Văn Yên	15/03/1992	6.0			
59	1010090245	Trần Thị Yến	11/11/1990	7.0			
60	1010090246	Nguyễn Thị Cẩm Yến	10/11/1992	6.5			
61	1010090247	Nguyễn Thị Bích Ngọc	18/05/1992	7.5			
62	1010090248	Lê Trần Phương Trang	03/12/1992	9.0			

Ngày tháng năm

CHỦ NHIỆM BỘ MÔN (KHOA)
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁO VIÊN CHẤM THI
(Ký và ghi rõ họ tên)